

Bản án số:12/2020/DSPT

Ngày 11/02/2020

“V/v Tranh chấp thực hiện
nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Dung

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Nguyễn Văn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Sương -Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa
:Bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 168/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về việc:“Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2019/DS-ST ngày 28 tháng 08 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 21/2020/QĐPT-DS ngày 31 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Bà Trương Kim Ph, sinh năm 1959 (có mặt).

2. Chị Ngô Hoàng Bảo Ch, sinh năm 1992 (vắng mặt).

- Người đại diện theo ủy quyền của chị Ch là bà Trương Kim Ph, sinh năm 1959 (văn bản ủy quyền ngày 30/12/2019).

Cùng địa chỉ : Số nhà 111/7, đường Phạm Thái B, phường 4, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn:

1. Bà Phạm Thị Á, sinh năm 1960 (vắng mặt).

2. Chị Nguyễn Phạm Hoàng D, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số nhà 51/20B, đường Phạm Thái B, phường 4, thành phố

V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Á và chị D là anh Nguyễn Quyết Q, sinh năm 1990.*

Địa chỉ: số nhà 33/6, đường Mậu Th, phường 3, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 10/11/2017, có mặt)

- *Người kháng cáo:*

Bà Phạm Thị Á và chị Nguyễn Phạm Hoàng D là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 01/9/2017 và quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn bà Trương Kim Ph, chị Ngô Hoàng Bảo Ch trình bày:*

Ngày 07/3/2017 bà Ph cho ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1964; cư trú tại: số nhà 51/20B, đường Phạm Thái B, phường 4, thành phố V vay số tiền 200.000.000đ, có biên nhận viết tay, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời gian vay 01 tháng. Đến ngày 17/3/2017 bà Ph cho ông H vay tiếp số tiền 200.000.000đ, có biên nhận viết tay, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời gian vay 01 tháng. Ngày 03/3/2017, chị Ngô Hoàng Bảo Ch (con ruột bà Trương Kim Ph) cho ông Nguyễn Thanh H vay số tiền 200.000.000đ, có biên nhận viết tay, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, thời gian vay 03 tháng.

Ngày 04/4/2017, ông Nguyễn Thanh H chết. Bà Ph, chị Ch chưa nhận tiền lãi và gốc. Bà Ph, chị Ch khởi kiện hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm vợ của ông H là bà Phạm Thị Á và con của ông H là chị Nguyễn Phạm Hoàng D yêu cầu thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại cụ thể là yêu cầu bà Á, chị D trả bà Ph số tiền vay gốc 400.000.000đ, tiền lãi (với lãi suất trong hạn 0,83%/tháng, lãi suất quá hạn 1,25%/tháng) tính đến ngày 08/9/2017 là 27.480.000đ, tổng cộng nợ gốc và lãi: 427.480.000đ; trả chị Ch số tiền vay gốc 200.000.000đ, tiền lãi tính đến ngày 05/9/2017 là 12.480.000đ, tổng cộng nợ gốc và lãi: 212.480.000đ. Tiền lãi yêu cầu tiếp tục tính đến ngày xét xử sơ thẩm. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, yêu cầu Hội đồng xét xử tính tiền lãi với mức lãi suất 0,83% trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; các yêu cầu khởi kiện còn lại giữ nguyên.

Tại các Biên bản hòa giải ngày 16/01/2018, 02/10/2018 và quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị Á, chị Nguyễn Phạm Hoàng D cùng người đại diện theo ủy quyền bị đơn trình bày:

Bị đơn không xác định được có phải chữ viết, chữ ký của ông H trong các biên nhận nợ các ngày 03/3/2017, 07/3/2017, 17/3/2017 mà nguyên đơn cung cấp hay không. Di sản của ông H để lại theo các văn bản phúc đáp của Ủy ban

nhân dân tỉnh Vĩnh Long và Ủy ban nhân dân thành phố V, hồ sơ kê khai thừa kế mà bà Á, chị D đã nhận thừa kế di sản ông H như Tòa án đã thu thập thì không đủ để thanh toán các khoản nợ của ông H. Cụ thể, bà Á, chị D đã dùng di sản của ông H để thanh toán nợ khi còn sống của ông H vay đối với Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh 6 tỷ đồng, thanh toán nợ các cá nhân khác. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 99/2019/DS-ST ngày 28 tháng 08 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 165, 186, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 615, 280, 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim Ph, chị Ngô Hoàng Bảo Ch.

Buộc bà Phạm Thị Á, chị Nguyễn Phạm Hoàng D liên đới trả bà Trương Kim Ph số tiền vay gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), tiền lãi 94.730.600đ (chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm đồng), tổng cộng tiền gốc và lãi 494.730.600đ (bốn trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm đồng).

Buộc bà Phạm Thị Á, chị Nguyễn Phạm Hoàng D liên đới trả chị Ngô Hoàng Bảo Ch số tiền vay gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tiền lãi 44.543.000đ (bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng), tổng cộng tiền gốc và lãi 244.543.000đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm thi hành án, án phí, chi phí định giá tài sản, trưng cầu giám định tài liệu, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án nhưng không bị kháng cáo, kháng nghị.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 23/9/2019 bị đơn bà Á và chị D kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph và chị Ch.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Anh Q đại diện người kháng cáo bà Á và chị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu

cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph và chị Ch, lý do bà Á và chị D có nhận di sản của ông H nhưng đã dùng di sản này trả hết số tiền ông H đã nợ khi còn sống.

- Bà Ph và bà Ch đại diện chị Ch không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà Á và chị D, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long như sau :

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm là phù hợp pháp luật.

- *Về nội dung:* Ngày 03/3/2017 ông Nguyễn Thanh H có mượn của bà Ngô Hoàng Bảo Ch số tiền 200.000.000đ; Ngày 07/3/2017 ông Nguyễn Thanh H mượn của bà Trương Kim Ph 200.000.000đ và ngày 17/3/2017 ông H có mượn của bà Ph 200.000.000đ. Tổng cộng là 600.000.000đ, tất cả các lần mượn đều có viết biên nhận. Ngày 04/4/2017 ông H đột ngột qua đời khi chưa đến thời hạn trả nợ, nên bà Ph và bà Ch yêu cầu những người thừa kế của ông H là bà Phạm Thị Á (vợ ông H) và bà Nguyễn Phạm Hoàng D (con ông H) thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, trả cho bà Ph và bà Ch số tiền theo các biên nhận và lãi suất là có căn cứ.

Căn cứ công văn số 849/UBND-NC ngày 10/5/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long và công văn số 1691/UBND-NC ngày 18/5/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phúc đáp, lúc còn sống ông Nguyễn Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm các thửa:

+ Thửa 313 diện tích 1.703,9m², thửa số 314 diện tích 220,4m², thửa 83 diện tích 1.673,3m², đất tọa lạc tại khóm 2, phường 3, thành phố Vĩnh Long

+ Thửa 447 diện tích 1.320,8m², thửa 409 diện tích 343,3m², thửa 432 diện tích 211,5m², thửa 270 diện tích 89,5m², đất tọa lạc tại khóm 3 và khóm 5, phường 4, thành phố Vĩnh Long

+ Thửa 73 diện tích 103,8m², đất tọa lạc tại khóm 5, phường 9, thành phố Vĩnh Long

Bà D, bà Á không đồng ý tất cả các thửa đất trên là di sản của ông H để lại, bà D, bà Á chỉ thừa nhận tài sản ông H để lại có các thửa: Thửa 447 diện tích 1.320,8m²; Thửa 409 diện tích 343,3m²; Thửa 313 diện tích 1.703,9m²; Thửa số 314 diện tích 220,4m² đang thế chấp tại Ngân hàng. Sau khi ông H chết, bà Á, bà D đã chuyển nhượng hết các thửa đất trên để thanh toán tiền nợ Ngân hàng và thanh toán nợ của ông Nguyễn Văn M 1.200.000.000đ nghĩa vụ tài sản trong

phạm vi di sản của ông H để lại không còn nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét thấy án sơ thẩm chưa làm rõ phần di sản mà ông H để lại thực tế bao gồm các tài sản nào; chưa xác định giá trị tất cả các tài sản là bao nhiêu, cũng như chưa làm rõ các khoản nợ mà bà Á, bà D đã thực hiện nghĩa vụ trả sau khi ông H chết để làm căn cứ xem xét. Do cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể bổ sung được, nên cần phải hủy án giao hồ sơ về cấp sơ thẩm xét xử lại.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Hủy toàn bộ án sơ thẩm. Bà Á và bà D không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của những người tham gia tố tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa sơ thẩm xét xử ngày 28/8/2019 vắng mặt bị đơn bà Á, chị D và đại diện hợp pháp của bị đơn, đến ngày 09/9/2019 đại diện hợp pháp của bị đơn nhận bản án sơ thẩm; ngày 24/9/2019 tòa sơ thẩm nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Á, chị D còn trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về nội dung: Ngày 04/4/2017, ông Nguyễn Thanh H chết không để lại di chúc. Cha mẹ của ông H là ông Nguyễn Văn Ph và bà Phạm Thị T đã chết nên hàng thừa kế thứ nhất của ông H là vợ Phạm Thị Á và con Nguyễn Phạm Hoàng D. Vào các ngày 07/3/2017, 17/3/2017 ông Nguyễn Thanh H có vay tiền của bà Trương Kim Ph, số tiền vay hai lần là 400.000.000đ. Ngày 03/3/2017, ông Nguyễn Thanh H có vay tiền của chị Ngô Hoàng Bảo Ch số tiền 200.000.000đ. Ba lần vay, ông H có viết biên nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà Á, chị D thừa nhận ông H có nợ bà Ph số tiền 400.000.000đ và nợ chị Ch số tiền 200.000.000đ nhưng không đồng ý trả bà Ph, chị Ch số tiền này vì di sản thừa kế của ông H đã dùng vào việc trả nợ cho ông H khi còn sống.

[3] Xét thấy, tại Công văn số 1691/UBND-NC ngày 18/5/2018, Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long phúc đáp: Lúc còn sống, ông Nguyễn Thanh H đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm:

- Thửa 314, tờ bản đồ 14, diện tích 220,4m², loại đất LNQ; thửa 313, tờ bản đồ 14, diện tích 1.703,9m², loại đất LNQ, cùng tọa lạc Khóm 2, Phường 3, thành phố V.

- Thửa 447, tờ bản đồ 12, diện tích 1.320,8m², loại đất ODT+LUC; thửa 409, tờ bản đồ 12, diện tích 343,3m², loại đất ODT+LNQ, cùng tọa lạc Khóm 5, Phường 4, thành phố V và thửa 291, tờ bản đồ 16, diện tích 100,6m², loại đất ODT, tọa lạc Khóm 6, Phường 4, thành phố V.

Tại Công văn số 849/UBND-NC ngày 10/5/2018, Ủy ban nhân dân thành phố Vĩnh Long phúc đáp: Ngoài các thửa đất Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long cung cấp thì lúc còn sống ông Nguyễn Thanh H còn đứng tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất gồm:

+ Tại phường 3, thành phố V: Thửa đất 83, diện tích 1.673,3m², tờ bản đồ số 10 và thửa 84, diện tích 262,3m², tờ bản đồ số 10 (tư liệu 60/CP).

+ Tại phường 4, thành phố V: Thửa 125, diện tích 1.282,9m², tờ bản đồ số 9 (tư liệu VLAP thửa đất 447, tờ bản đồ 12, bà Nguyễn Phạm Hoàng D nhận thừa kế đã chuyển nhượng ông Cao Tuấn H năm 2018); thửa 291, tờ bản đồ 16, diện tích 200,6m²; thửa 270, diện tích 89,5m², tờ bản đồ số 9; thửa 432, diện tích 211,5m², tờ bản đồ 9 (tư liệu 60/CP).

[4] Như vậy, di sản ông H để lại bao gồm tất cả các thửa nêu trên. Theo hồ sơ vụ án thể hiện bà Á, chị D đã nhận thừa kế, đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại các thửa đất 73, 313, 409 và 477. Trong đó thửa đất 447, 409, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: số 51/20B, Phạm Thái B, phường 4, thành phố V đã được Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDBank) trả lời tại văn bản số 50/2019/TB-CNVL ngày 05/3/2019 là hai thửa đất 447, 409 không còn thế chấp đảm bảo bất kỳ nghĩa vụ nợ nào tại HDBank. Tại Biên bản định giá tài sản ngày 24/4/2018, Hội đồng định giá đã kết luận tổng giá trị tài sản nhà, vật kiến trúc là 1.294.735.577đ và giá trị đất tại hai thửa đất 447, 409 là: đất trồng cây hàng năm 170.000đ/m², đất ở đô thị 3.500.000đ/m², nên tổng giá trị đất là 1.082.097.000đ (thửa 409 diện tích 343,3m² có 240m² đất ở đô thị, 103,3m² đất trồng cây hàng năm; thửa 447 diện tích 1.320,8m², loại đất trồng cây hàng năm). Như vậy, tổng giá trị tài sản ông H để lại tại hai thửa đất 447, 409 là 2.376.832.577đ. Do nhà, đất tại hai thửa 409, 447 là tài sản chung vợ, chồng nên ½ giá trị tài sản là di sản ông H = 1.188.416.288đ. Tại đơn kháng cáo bà Á và chị D trình bày di sản thừa kế của ông H là 954.907.000đ thì cũng đủ để trả khoản nợ vốn và lãi cho bà Ph và chị Ch.

[5] Việc bà Á, chị D trình bày đã trả nợ ông H vay của ông Nguyễn Văn M số tiền 1.200.000.000đ khi còn sống. Ông M trình bày có nghe bà Á nói bán đất trả nợ. Tuy nhiên, bà Á, chị D không chứng minh được đã bán di sản nào của

ông H để thanh toán nợ ông Minh. Đến ngày 24/4/2018, khi Tòa án thành lập Hội đồng định giá đến nhà, đất tại hai thửa 447, 409 thì hiện trạng di sản vẫn còn, vẫn thuộc quyền quản lý, sử dụng của bà Á, chị D. Tại phiên tòa này người đại diện cho bà Á và chị D trình bày tại thời điểm trả nợ cho ông M thì quyền sử dụng đất vẫn còn vay thế chấp tại Ngân hàng, khi trả xong nợ Ngân hàng mới lấy quyền sử dụng đất và lập thủ tục nhận thừa kế.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập chứng cứ đối với bà Á và người đại diện theo ủy quyền bị đơn thì họ trình bày các thửa đất còn lại gồm thửa 314, 83, 84, 291, 270, 432 đã chuyển nhượng người khác nên tòa cấp sơ thẩm không định giá được.

Theo quy định tại Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì phạm vi di sản do ông Hải chết để lại đã thể hiện tại các thửa đất 314, 313, 83, 84, 447, 409, 291, 270, 432; riêng hai thửa đất 447, 409 qua định giá xác định di sản ông Hải có giá trị 1.188.416.288đ. Tất cả các di sản là các thửa đất nêu trên đã được bà Á, chị D nhận thừa kế nên buộc bà Á, chị D thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ do ông H vay khi còn sống của bà Ph, chị Ch để lại trong phạm vi di sản của ông H là các thửa đất nêu trên. Trường hợp, bà Á, chị D đã chuyển nhượng di sản của ông H để lại cho người khác thì bà Á, chị D đã hưởng lợi, đã nhận giá trị di sản ông Hải để lại, nên bà Á, chị D phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ ông H xác lập khi còn sống với bà Ph, chị Ch.

Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy án sơ thẩm buộc bà Á và chị D trả cho bà Ph tiền gốc và lãi 494.730.600đ ; trả chị Ch tiền gốc và lãi 244.543.000đ là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử thống nhất không chấp nhận kháng cáo của bà Á và chị D về việc không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ph và chị Ch, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Á và chị Nguyễn Phạm Hoàng D.

- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 99/2019/DS-ST ngày 28 tháng 08 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 161, 165, 186, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 615, 280, 288, 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm”; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án”.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Kim Ph, chị Ngô Hoàng Bảo Ch.

- Buộc bà Phạm Thị Á, chị Nguyễn Phạm Hoàng D liên đới trả bà Trương Kim Ph số tiền vay gốc 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng), tiền lãi 94.730.600đ (chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm đồng), tổng cộng tiền gốc và lãi 494.730.600đ (bốn trăm chín mươi bốn triệu bảy trăm ba mươi ngàn sáu trăm đồng).

- Buộc bà Phạm Thị Á, chị Nguyễn Phạm Hoàng D liên đới trả chị Ngô Hoàng Bảo Ch số tiền vay gốc 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng), tiền lãi 44.543.000đ (bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng), tổng cộng tiền gốc và lãi 244.543.000đ (hai trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn đồng).

2. Về án phí phúc thẩm : Áp dụng khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Buộc bà Phạm Thị Á phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004914 ngày 24/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc chị Nguyễn Phạm Hoàng D phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004915 ngày 24/09/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về lãi suất chậm thi hành án, về án phí sơ thẩm, về chi phí định giá tài sản, trưng cầu giám định tài liệu không

bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5.Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tp V;
- Chi Cục THADS tp V;
- Các đương sự;
- Lưu HS; Tổ HC-TP; TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Ngọc Dung

